

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị G và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/01/2021 và ngày 25/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị VTG, sinh 1993, trú tại: Bản NL, xã HT, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh TVT, sinh 1990, trú tại: Bản NL, xã HT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông VVĐ, bà QTQ, trú tại: Bản L, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị VTG trình bày:

Chị và anh TVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 02/02/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường ma túy và bị đi tù. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai

người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị VTG xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVT.

Về con chung: Có con là TTML, sinh ngày 06/10/2012 và TTDQ, sinh ngày 22/7/2014. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con, đề nghị theo nguyên vọng của con. Hiện công việc của chị thu nhập khoảng 9.400.000, đồng tháng, chị không yêu cầu anh TVT phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Như đất đai, nhà, xe máy, tài sản vật dụng trong nhà mà chị kê khai trong đơn khởi kiện hiện không còn, do anh TVT đã bán hết để sử dụng ma túy và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị VTG trình bày về khoản tiền 25.000.000, đồng chị kê khai trong đơn khởi kiện: Trong đó 15.000.000, đồng cho bố mẹ chị vay và khoản gửi Ngân hàng bưu điện ML 10.000.000, đồng nhưng đã rút ra chi vào việc chữa mắt cho con hết, hiện không còn.

Chị VTG trình bày về khoản tiền 80.000.000, đồng anh TVT cho rằng chị đang cầm như sau:

Không có khoản tiền 25.000.000, đồng gửi Ngân hàng Vietcombank Yên Dũng Bắc Giang, chị yêu cầu anh TVT cung cấp sổ gửi;

Cho bố mẹ chị vay số tiền 30.000.000, đồng là không đúng vì hai vợ chồng cho bố mẹ chị vay số tiền 15.000.000, đồng đã trả cho anh TVT 1.000.000, đồng còn 14.000.000, đồng;

Không có khoản tiền 15.000.000, đồng mua xe;

Công nhận có khoản gửi Ngân hàng bưu điện ML 10.000.000, đồng nhưng đã rút ra chi vào việc chữa mắt cho con hết, hiện không còn.

Chị VTG trình bày về khoản tiền 60.000.000, đồng để làm đám cưới gồm 01 con bò, 01 con lợn, 10 con gà, hoa quả, bánh kẹo anh TVT yêu cầu chị phải trả như sau: Do bố mẹ bỏ ra để tổ chức đám cưới cho hai người, chị không nhất trí trả.

Bị đơn anh TVT trình bày:

Anh xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị VTG, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh không đồng ý ly hôn chị VTG.

Về con chung: Có con là TTML, sinh ngày 06/10/2012 và TTDQ, sinh ngày 22/7/2014. Nguyên vọng anh muốn được nuôi con, đề nghị theo nguyên vọng của con và không yêu cầu chị VTG cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng: Như đất đai, nhà, xe máy, tài sản vật dụng trong nhà đều không còn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh trình bày về khoản tiền 80.000.000, đồng cho rằng chị VTG đang cầm như sau:

Có khoản tiền 25.000.000, đồng gửi Ngân hàng Vietcombank Yên Dũng Bắc Giang;

Nợ chung: Cho bố mẹ vợ ông VVD, bà QTQ vay số tiền 30.000.000, đồng đã trả cho anh TVT 1.000.000, đồng còn 29.000.000, đồng;

Khoản tiền 15.000.000, đồng đưa cho chị VTG mua xe;

Khoản gửi Ngân hàng bưu điện ML 10.000.000, đồng.

Anh yêu cầu trả để chia cho hai con.

Anh yêu cầu chị VTG trả khoản tiền 60.000.000, đồng để làm đám cưới gồm 01 con bò, 01 con lợn, 10 con gà, hoa quả, bánh kẹo.

Tại phiên tòa anh TVT yêu cầu ông VVD, bà QTQ trả lại giá trị của vật liệu làm nhà gồm: 02 cột x 1.000.000, đồng = 2.000.000, đồng; xà dài 06 cái x 400.000, đồng = 2.400.000, đồng; 12 xà ngắn x 100.000, đồng = 1.200.000, đồng. Tổng cộng 5.600.000, đồng. Được chia đôi vì là tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông VVD, bà QTQ trình bày: Ông bà công nhận nợ hai vợ chồng chị VTG, anh TVT số tiền 15.000.000, đồng đã trả cho anh TVT 1.000.000, đồng còn 14.000.000, đồng chỉ nhất trí trả số tiền 14.000.000, đồng. Khi vay do hai vợ chồng chị VTG và anh TVT đưa, không làm giấy tờ, hai người không công nhận vay chị VTG, anh TVT số tiền 30.000.000, đồng.

Ông VVD, bà QTQ trình bày vay gỗ làm nhà: Ông bà công nhận như anh TVT khai và nhất trí thanh toán trả giá trị là 5.600.000, đồng cho chị VTG và anh TVT.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị VTG được ly hôn anh TVT.

Về con chung: Giao cho chị VTG trực tiếp nuôi con TTML, sinh ngày 06/10/2012 và TTDQ, sinh ngày 22/7/2014, anh TVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu chia số tiền 50.000.000, đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu chị VTG phải trả lại trị giá sính lễ cưới là 60.000.000, đồng.

Về nợ chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu ông VVD, bà QTQ trả nợ số tiền 15.000.000, đồng.

Ông VVD, bà QTQ có trách nhiệm thanh toán trả cho chị VTG 7.500.000, đồng; trả cho anh TVT 6.500.000, đồng.

Ông VVD và bà QTTQ có trách nhiệm thanh toán trả cho chị VTG 2.800.000, đồng; trả cho anh TVT 2.800.000, đồng, giá trị gối vay làm nhà.

Chị VTG chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị VTG đã tham gia phiên tòa ngày 12/01/2021, sau đó có đề nghị được xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/01/2021. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị VTG.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTG và anh TVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau, anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị VTG và anh TVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị VTG yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị VTG được ly hôn anh TVT.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện cháu đang ở với chị VTG, hiện công việc của chị thu nhập khoảng 9.400.000, đồng tháng và nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ, cần giao cho chị VTG trực tiếp nuôi con là TTML, sinh ngày 06/10/2012 và TTDQ, sinh ngày 22/7/2014, chị không yêu cầu anh TVT phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Đất đai, nhà, xe máy, tài sản vật dụng trong nhà chị VTG và anh TVT đều xác định không còn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với khoản tiền 80.000.000, đồng anh TVT cho rằng chị VTG đang giữ, trong đó 25.000.000, đồng gửi Ngân hàng Vietcombank Yên Dũng Bắc Giang; cho bố mẹ vợ ông VVD, bà QTTQ vay số tiền 30.000.000, đồng đã trả cho anh TVT 1.000.000, đồng còn 29.000.000, đồng; 15.000.000, đồng đưa cho chị VTG mua xe máy; gửi Ngân hàng bưu điện ML 10.000.000, đồng.

Xét thấy: Do chị VTG không công nhận. Hội đồng xét xử đã ngưng phiên tòa để cho anh TVT cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng anh TVT không cung cấp được, do đó không có căn cứ xác định chị VTG đang giữ khoản tiền 25.000.000, đồng gửi Ngân hàng Vietcombank Yên Dũng Bắc Giang; 15.000.000, đồng đưa cho chị VTG mua xe máy. Do đó không có căn cứ chấp nhận để chia số tiền này.

Đối với tiền gửi Ngân hàng bưu điện ML 10.000.000, đồng nhưng chị VTG đã rút ra chi vào việc chữa mắt cho con hết, xét việc chữa mắt cho con là cần thiết và hiện không còn, do đó không có căn cứ chấp nhận để chia số tiền này.

Đối với khoản tiền cho ông VVD, bà QTQ vay nhưng chị VTG, ông VVD và bà QTQ đều xác định chỉ vay 15.000.000, đồng và anh TVT công nhận đã nhận 1.000.000, đồng, ngoài lời khai ra anh TVT không có chứng cứ nào khác để xác định khoản nợ 29.000.000, đồng. Do đó có căn cứ xác định ông VVD, bà QTQ còn nợ chị VTG và anh TVT 14.000.000, đồng. Ông VVD, bà QTQ có trách nhiệm thanh toán trả cho chị VTG 7.500.000, đồng; trả cho anh TVT 6.500.000, đồng.

[6] Đối với yêu cầu đòi khoản tiền 60.000.000, đồng để làm đám cưới gồm 01 con bò, 01 con lợn, 10 con gà, hoa quả, bánh kẹo của anh TVT yêu cầu chị VTG phải trả. Do bố mẹ bỏ ra để tổ chức đám cưới cho hai người nay anh TVT đòi lại là trái với phong tục tập quán tốt đẹp, do đó không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu đòi khoản vay gỗ làm nhà, xét thấy các đương sự đều nhất trí công nhận việc vay gỗ và công nhận giá trị là 5.600.000, đồng. Do đó ông VVD và bà QTQ có trách nhiệm thanh toán trả cho chị VTG 2.800.000, đồng; trả cho anh TVT 2.800.000, đồng.

Chị VTG chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị VTG được ly hôn anh TVT.
2. Về con chung: Giao cho chị VTG trực tiếp nuôi con TTML, sinh ngày 06/10/2012 và TTDQ, sinh ngày 22/7/2014, anh TVT không phải cấp dưỡng nuôi con.
Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.
3. Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu chia số tiền 50.000.000, đồng.
4. Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu chị VTG phải trả lại trị giá sinh lễ cưới là 60.000.000, đồng.
5. Về nợ chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh TVT về việc yêu cầu ông VVĐ, bà QTQ trả nợ số tiền 15.000.000, đồng.

Ông VVĐ, bà QTQ có trách nhiệm thanh toán trả cho chị VTG 7.500.000, đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); trả cho anh TVT 6.500.000, đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông VVĐ, bà QTQ có trách nhiệm thanh toán trả giá trị gỗ làm nhà đã vay cho chị VTG 2.800.000, đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng); trả cho anh TVT 2.800.000, đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

Chị VTG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004068 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị VTG được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh TVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/01/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã PT, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn